

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HC - ST

Ngày: 23 – 9 - 2025

“V/v: Yêu cầu hủy Quyết định hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Đài và ông Nguyễn Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST - HC ngày 29 tháng 7 năm 2025, về việc “Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST - HC ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hà Văn T và bà Nông Thị N

Địa chỉ: Thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Thành L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông La Thanh H và ông Đào Tấn H1 – Công chức Phòng kinh tế, UBND xã P (Ông H có mặt, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Hà Văn T và bà Nông Thị N trình bày:

Năm 2014 ông bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T1 diện tích đất 18.890 m² thửa đất số 77, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.400m², mục đích sử dụng đất: Đất màu và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 12.490m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; địa chỉ thửa đất tại thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk). Các thửa đất trên đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận số R 499255, sổ vào sổ cấp GCN 259550 theo Quyết định số 720/QĐ-UB ngày 14/11/2001, mang tên ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T2, nhưng đã đăng ký biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 22/10/2014.

Trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, Ngày 14/11/2014, UBND huyện K đã cấp cho ông bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 600993 cho ông Hà Văn T và bà Nông Thị N, đối với các thửa đất mà ông bà nhận chuyển nhượng từ bà T1.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông bà sử dụng đất ổn định cho đến nay, không có tranh chấp với ai

Tháng 7/2025, khi ông bà đề nghị cấp trích lục thửa đất để làm hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận QSD đất thì mới phát hiện việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông bà có sai sót nghiêm trọng, cụ thể: Diện tích mà bà T1 bàn giao cho ông bà là 21.266,8m², lớn hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Mặt khác, thực tế thửa đất số 77 không phải là thửa đất của bà T1, mà của hộ gia đình khác, thực tế diện tích mà bà T1 chuyển nhượng và giao cho ông bà sử dụng là thửa đất 78 và 80, tờ bản đồ số 26 (Bản đồ cũ). Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất sai sót dẫn đến ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Khi phát hiện có sai sót, ông bà đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng được trả lời là không thể làm thủ tục cấp đổi do đất đã có đăng ký biến động.

Vì vậy, ông bà yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 600993, do UBND huyện K cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Hà Văn T và bà Nông Thị N, đối với thửa đất 77 và 80, tờ bản đồ số 26; Buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho chúng tôi.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Lê Thành L trình bày:

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T2, thường trú tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đơn vị hành chính cũ) được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R499255, số vào sổ cấp GCN 259550 theo Quyết định số 720/QĐ-UB ngày 14/11/2001 đối với diện tích đất 18.890 m², gồm thửa đất số 77, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.400 m², mục đích sử dụng đất: Đất màu và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 12.490 m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ các thửa đất tại thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk).

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T1, thường trú tại thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (đơn vị hành chính cũ), được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Không Năng đăng ký biến động ngày 22/10/2014.

Sau khi được đăng ký biến động quyền sử dụng đất, bà Nguyễn Thị T1 đã chuyển nhượng thửa đất 77, 80 nêu trên cho ông Hà Văn T và bà Nông Thị N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 212/2014, quyển số 03/2012 TP/CC-SCC/HĐGD được UBND xã E chứng thực ngày 23/10/2014.

Trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, ngày 14/11/2014, UBND huyện K đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 600993 cho ông Hà Văn T và bà Nông Thị N, đối với các thửa đất số: 77; 80, tờ bản đồ số: 26; diện tích: 18.890 m²; địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk) mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sau khi kiểm tra hồ sơ liên quan cũng như hiện trạng sử dụng đất thực tế, phía bị kiện xác định:

* Về vị trí thửa đất so với hồ sơ địa chính:

- Rà soát vị trí thửa đất số 80, tờ bản đồ số: 26, diện tích 12.490 m², loại đất: đất trồng cây lâu năm nay là thửa đất 16, tờ bản đồ số 299 (theo Trích lục số 168/TL-CNKN ngày 15/7/2025 của Chi nhánh K) có một phần diện tích thửa đất đúng hiện trạng sử dụng đất của ông Hà Văn T và bà Nông Thị N đang sử dụng.

- Rà soát vị trí thửa đất số 77, tờ bản đồ số: 26, diện tích 6400 m², loại đất: đất trồng cây hàng năm khác nay là thửa đất 6; 131, tờ bản đồ số 299 (theo Bản đồ địa chính chưa được nghiệm thu) không đúng hiện trạng sử dụng đất của ông Hà Văn T và bà Nông Thị N đang sử dụng.

* Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hồ sơ nêu trên không có khiếu nại, tranh chấp và được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và đăng ký biến động đất đai.

Phía UBND xã P xác định: Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông T là chưa đúng với vị trí hiện trạng và diện tích thửa đất mà chủ sử dụng đất đang sử dụng, lỗi thuộc về các cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai. Nội dung khởi kiện của ông T và bà N là có căn cứ. Tuy nhiên, do người sử dụng đất đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất (Đã đăng ký biến động), căn cứ khoản 4 Điều 152 Luật đất đai thì UBND xã không có thẩm quyền thực hiện các thủ tục thu hồi giấy chứng nhận QSD đất để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, quyết định.

* ***Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành kiểm tra hiện trạng và xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả xác định:*** Theo bản Trích lục địa chính số 168/TL – CNKR ngày 15/7/2025 thì diện tích đất mà hộ ông Hà Văn T thực tế đang sử dụng 21.266,8m². Đối chiếu với bản đồ đo đạc mới (Bản đồ 3425) thì diện tích đất trên là thửa đất 16, tờ bản đồ 299. Đối chiếu diện tích đất thực tế với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì thửa đất số 80, tờ bản đồ số: 26, diện tích 12.490 m² (Tờ bản đồ cũ) hiện nay thuộc một phần của thửa đất số 16; Đối với thửa đất 77, tờ bản đồ 26, diện tích 6400m²: Phần đất này thực tế không giáp ranh với thửa đất 80, mà cánh nhau 01 con đường lô. Theo bản đồ 3425 thì phần diện tích này nay thuộc thửa đất số 6; 131, tờ bản đồ số 299, người sử dụng đất là ông Đào Minh Q và Đào Minh H2 sử dụng ổn định từ trước đến nay. Phần diện tích còn lại ngoài thửa 80 mà hộ ông T đang sử dụng thuộc thửa 78, tờ bản đồ 26. Trên hệ thống quản lý đất đai xác định thửa đất này là đất hoang hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắc Lắc tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện và người bị kiện chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 190 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ Điều 134, 135, 136 và điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 152 Luật đất đai 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T về bà Nông Thị N, tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 600993 thửa đất số 80, tờ bản đồ số: 26, diện tích 12.490 m², loại đất: Đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 77, tờ bản đồ số: 26, diện tích 6400 m², loại đất trồng cây hàng năm khác, do UBND huyện K cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Hà Văn T và bà Nông Thị N.

Về án phí xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Tại thời điểm thụ lý vụ án Tòa án xác định người bị kiện trong vụ án là Ủy ban nhân dân huyện K và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã P. Tuy nhiên, tại điểm h, điểm i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ “Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai” (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025) quy định:

“1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai chuyển giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, bao gồm:

*h) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 và điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai”*Vụ án được thụ lý sau ngày 01/7/2025, diện tích đất có liên quan đến quyết định hành chính bị khiếu kiện thuộc địa giới hành chính do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Căn cứ quy định nêu trên, việc xác định người bị kiện tại thời điểm thụ lý vụ án là chưa chính xác. HĐXX xác định người bị kiện trong vụ án là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Hà Văn T và bà Nông Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 600993, do UBND huyện K cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Hà Văn T và bà Nông Thị N vì cho rằng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, HĐXX xác định đây là vụ án “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tháng 7/2025, ngay sau khi được cấp trích lục thửa đất để làm hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận QSD đất, biết việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho mình có sai sót nghiêm trọng, ông Hà Văn T và bà Nông Thị N đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 600993, do UBND huyện K cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Hà Văn T và bà Nông Thị N được cấp đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục quy định tại Điều 105 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật đất đai 2013.

[2.2] Xét yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Văn T và bà Nông Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng và xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Diện tích đất mà hộ ông Hà Văn T thực tế đang sử dụng là 21.266,8m², thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 229 (Bản đồ đo đạc mới). Diện tích đất này hộ ông T sử dụng ổn định kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng cho đến nay, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Tuy nhiên, qua đối chiếu thì chỉ có một phần diện tích mà hộ ông T được cấp giấy chứng nhận QSD đất là thuộc diện tích đất mà hộ ông T đang thực tế sử dụng (thửa đất số 80, tờ bản đồ số: 26, diện tích 12.490m²). Đối với phần diện tích còn lại theo giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông T (thửa đất số 77, tờ bản đồ số: 26, diện tích 6.400m²) thì không nằm trong diện tích thực tế hộ ông T đang sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện người bị kiện thừa nhận quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 77, 80, tờ bản đồ 26 (Cấp lần đầu năm 2001 cho ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T2, cấp đổi năm 2014 cho ông Hà Văn T và bà Nông Thị N), thì UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là chưa đúng với vị trí hiện trạng và diện tích thửa đất mà chủ sử dụng đất thực tế sử dụng (thực tế người được cấp giấy chứng nhận QSD đất không sử dụng thửa đất 77).

[2.2.2] Như vậy, xét việc UBND huyện K cấp giấy chứng nhận lần đầu vào năm 2001, do ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị T2 kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu tại thửa đất số 77, 80 là không đúng đối tượng sử dụng đất đối với thửa đất số 77, dẫn đến năm 2014 ông Hà Văn T và bà Nông Thị N nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên, đồng thời thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận QSD đất số BB 600993, ngày 14/11/2014 cho ông T và bà N là không đúng đối tượng sử dụng đất đối với thửa 77 tờ bản đồ số 26, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng đất.

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Đất đai năm 2024 thì việc thu hồi đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án vì trong quá trình sử dụng đất, ông T và bà N đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thông qua việc chuyển nhượng QSD đất. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T và bà Nông Thị N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 600993 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu của ông Hà Văn T và bà Nông Thị N về việc: Buộc Ủy ban nhân dân xã P và cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận QSD đất, HĐXX xét thấy: Việc cấp lại giấy chứng nhận QSD đất sau khi giấy chứng nhận QSD đất đã bị Tòa án tuyên hủy là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 7 Điều 52 luật đất đai. Vì vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, UBND xã P và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với người khởi kiện để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận QSD đất. Nếu phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4]. Về chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000đ. Người khởi kiện đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, nên người bị kiện không phải chịu chi phí tố tụng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206; Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 134, 135, 136 và điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 152 Luật đất đai 2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T và bà Nông Thị N:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 600993, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 14/11/2014, mang tên ông Hà Văn T và bà Nông Thị N, đối với các thửa đất số 77; 80, tờ bản đồ số 26; diện tích 18.890m²; địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn X, xã P, tỉnh Đắk Lắk).

Ông Hà Văn T và bà Nông Thị N có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hà Văn T và bà Nông Thị N tự nguyện chịu 1.400.000đ tiền chi phí tố tụng. Công nhận ông T và bà N đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Hà Văn T và bà Nông Thị N số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk theo biên lai số AA/2023/0012283 ngày 22/7/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN